

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Hà Nội, tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
I	Thông tin chung	3
II	Tình hình hoạt động trong năm	7
III	Báo cáo và đánh giá của Ban Giám Đốc	14
IV	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	17
V	Quản trị Công ty	19
VI	Báo cáo tài chính	22

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần chứng khoán Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103014784 ngày 27 tháng 11 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 167,695,213,612 VND
- Địa chỉ: Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04.39446066
- Số fax: 04.39446070
- Website: www.vnsec.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

– Được cấp phép thành lập ngày 27 tháng 11 năm 2006, với tên giao dịch: Công ty cổ phần chứng khoán Việt Nam (VNSEC) – có trụ sở tại Hà Nội, Công ty vinh dự trở thành một trong những công ty chứng khoán được thành lập ngay từ những ngày đầu phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

– Công ty hoạt động trong các lĩnh vực môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 21/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 08 tháng 12 năm 2006.

– Ngày 20 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng đầu tư RHBIB, Malaysia chính thức là đối tác chiến lược của Công ty, nắm giữ 49% cổ phần theo giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

– Ngày 14 tháng 10 năm 2010, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp bổ sung nghiệp vụ tự doanh theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 356/UBCK-GPHDKD.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Công ty có trụ sở chính tại tầng 12B, số 29 Nguyễn Đình Chiểu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

3.1. Dịch vụ chứng khoán

Sản phẩm dịch vụ cơ bản gồm mở tài khoản giao dịch chứng khoán, môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hỗ trợ chuyển nhượng chứng khoán niêm yết.

Phối hợp với ngân hàng để mang tới cho khách hàng dịch vụ tài chính ứng trước tiền bán chứng khoán trên nhu cầu thực tế của khách hàng và đáp ứng đúng những yêu cầu của pháp luật.

3.2. Dịch vụ tư vấn tài chính

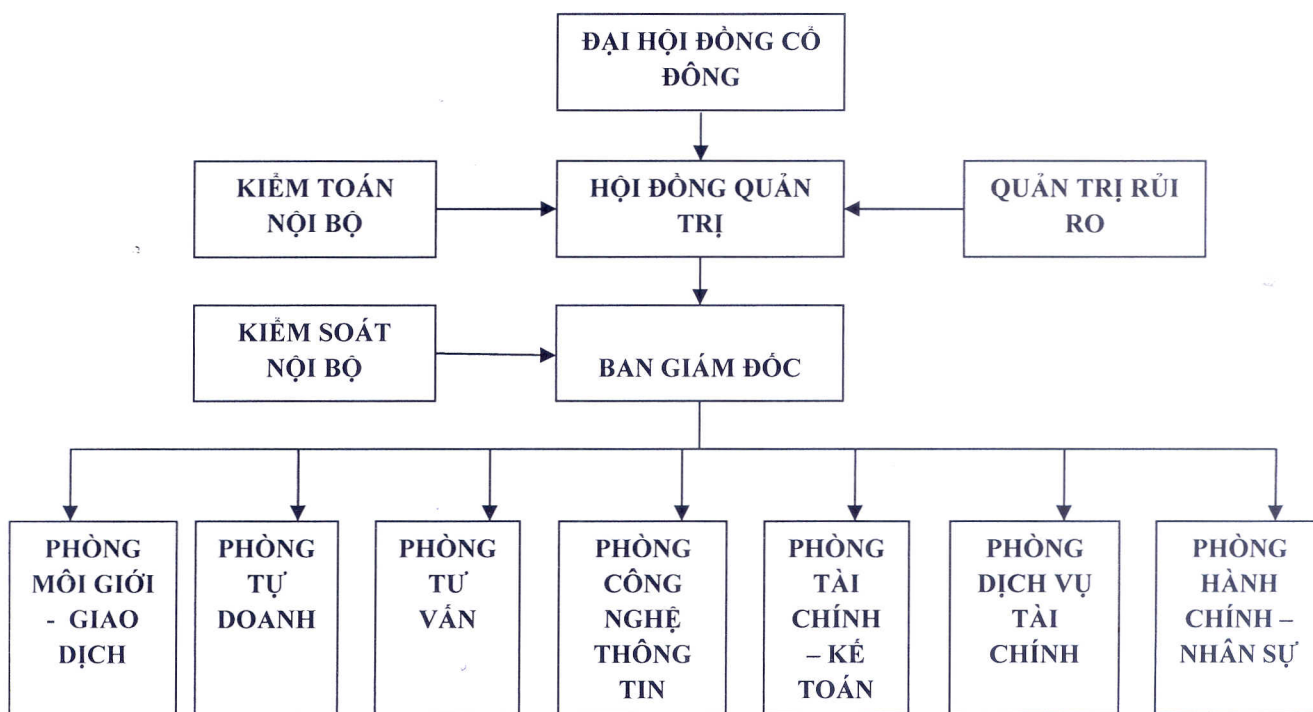
Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tái cấu trúc doanh nghiệp, mua bán sáp nhập doanh nghiệp...

3.3. Dịch vụ đầu tư tài chính

Mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã và đang lựa chọn phương án bảo toàn vốn và phần lớn thu nhập năm 2013 của Công ty đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

– Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý



4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán tại Việt Nam thông qua việc cung cấp nhiều sản phẩm tài chính tiên tiến đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng.

Thúc đẩy mối quan hệ lâu dài với khách hàng thông qua việc cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ và áp dụng các thông lệ thị trường và quản trị doanh nghiệp tốt nhất.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nhằm gia tăng thị phần trên thị trường chứng khoán, định hướng chính mà Công ty sẽ triển khai như sau:

Hoạt động môi giới:

- Mở rộng kênh phân phối bao gồm thiết lập chi nhánh và kết hợp với các tổ chức lớn.
- Cải thiện hiệu quả kỹ thuật nhằm đáp ứng những yêu cầu phát triển của thị trường chứng khoán và của khách hàng.
- Tuyển dụng đội ngũ cán bộ nhân viên môi giới giỏi để tư vấn và thu hút khách hàng giao dịch tại Công ty.
- Cung cấp các dịch vụ tài chính tiên tiến, cải thiện chất lượng dịch vụ thông qua việc hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Mời chuyên gia của ngân hàng RHB đào tạo và chuyển giao kiến thức về chứng khoán cho nhân viên Công ty.

Hoạt động tư vấn tài chính:

- Khai thác trên cơ sở những khách hàng lớn của Ngân hàng RHB và sự có mặt của ngân hàng RHB tại các nước khác như Malaysia, Thái Lan, Singapore, Indonesia cho các hợp đồng tư vấn M&A xuyên quốc gia.
- Liên kết với các công ty chứng khoán lớn tại Việt Nam, ký kết các bản ghi nhớ thông tin, thúc đẩy các hợp đồng M&A.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế từ năm 2012 đến 2014:

Chi tiết	Năm 2012 VND	Năm 2013 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập hoạt động nghiệp vụ	3,546,444,370	1,660,017,287	1,178,968,473
<i>Bao gồm</i>			
Môi giới	35,090,625	25,296,415	45,551,435
Tự doanh	465,830,400	429,993,600	286,662,400
Tư vấn tài chính	2,727,272,727	1,200,000,000	816,735,909
Khác	318,250,618	4,727,272	30,018,729
Thu nhập từ tiền gửi	18,386,494,802	14,248,659,803	13,333,459,425
TỔNG THU NHẬP	<u>21,932,939,172</u>	<u>15,908,677,090</u>	<u>14,512,427,898</u>
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	<u>(6,865,049,871)</u>	<u>(8,227,555,921)</u>	<u>(8,187,976,305)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động	<u>15,067,889,301</u>	<u>7,681,121,169</u>	<u>6,324,451,593</u>
Lợi nhuận trước thuế	<u>15,067,889,301</u>	<u>7,681,121,169</u>	<u>6,324,451,593</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,650,514,725	1,825,830,852	1,328,313,622
Lợi nhuận sau thuế	<u>11,417,374,576</u>	<u>5,855,290,318</u>	<u>4,996,137,971</u>
Lợi nhuận tích lũy sau thuế	<u>21,843,785,323</u>	<u>27,699,075,640</u>	<u>32,695,213,612</u>
Vốn điều lệ	<u>135,000,000,000</u>	<u>135,000,000,000</u>	<u>135,000,000,000</u>
Quỹ dự phòng	<u>2,184,378,532</u>	<u>2,769,907,564</u>	<u>3,269,521,362</u>
Vốn chủ sở hữu	<u>156,843,785,323</u>	<u>162,699,075,641</u>	<u>167,695,213,612</u>

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 là 6,324,451,593 VND. Phần lớn thu nhập năm 2014 của Công ty đến từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tư vấn tài chính

Phần chi phí hoạt động của Công ty giảm mạnh phần lớn từ hoàn dự phòng từ các khoản phải thu khó đòi và khoản đầu tư vào cổ phiếu SMC trên sàn HSX. Tổng quỹ dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 3,269,521,362 VND.

Vốn cố định theo đó tăng từ 156.843.785.323 VND năm 2012 lên 167,695,213,612 VND năm 2014.

Trong năm 2014, Công ty thực hiện chiến lược thận trọng, xây dựng nền tảng vững vàng:

- Tập trung vào củng cố các chính sách, quy trình để phù hợp và tuân thủ đúng những quy định của các Sở ban ngành và luật pháp.
- Xây dựng hệ thống quản lý môi giới chuyên nghiệp cho những cán bộ môi giới thông qua hệ thống phần mềm giao dịch.
- Tập trung hoàn thành các hợp đồng tư vấn tài chính.

Ban Giám đốc Công ty không thực hiện kế hoạch mở rộng kinh doanh hay triển khai dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng do:

- Các yếu tố kinh tế vĩ mô chưa thực sự thuận lợi
- Việc tuyển dụng các vị trí chủ chốt cho gặp không ít khó khăn.

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chi tiêu	TH 2013	KH 2013	TH 2014	% KH năm	% TH so với 2013
Thu nhập HĐ nghiệp vụ Bao gồm	1,660,017,287	13,614,988,075	1,178,968,473	-91.34%	-28.98%
Môi giới	25,296,415	7,694,988,075	35,090,625	-99.54%	38.72%
Tự doanh	328,467,700	-	465,830,400		41.82%
Tư vấn tài chính	2,080,000,000	5,582,500,000	2,727,272,727	-51.15%	31.12%
Khác	31,625,010	337,500,000	318,250,618	-5.70%	906.33%
Thu nhập từ tiền gửi	18,468,504,724	16,894,591,212	18,386,494,802	8.83%	-0.44%
TỔNG THU NHẬP	20,954,481,132	30,509,579,287	21,932,939,172	-28.11%	4.67%
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(13,359,474,047)	(13,785,253,248)	(6,865,049,871)	-50.20%	-48.61%
Lợi nhuận trước thuế	7,595,007,085	16,724,326,039	15,067,889,301	-9.90%	98.39%

Kết quả trong năm 2014 so với kế hoạch đạt 98.39% giảm 9.9%. Lợi nhuận trước thuế năm 2014 giảm so với năm 2013 là 900.000.000 VND chủ yếu do Công ty trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào cổ phiếu SMC.

Về cơ cấu thu nhập: tỷ trọng doanh thu đến từ lãi tiền gửi có kỳ hạn chiếm đa số tăng 8.83% so với kế hoạch 2014 và xấp xỉ tương đương với doanh thu này của năm 2013. Doanh thu về Môi giới và Tư vấn tài chính thực hiện so với kế hoạch năm 2014 giảm mạnh lần lượt từ -99.54% và -51.15% chủ yếu do Công ty tình hình kinh doanh thực tế và thu hút khách hàng chưa thực sự thuận lợi. Đồng thời, với thị trường chứng khoán năm 2014 bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế vĩ mô nên không chỉ Công ty mà nhiều các Công ty khác trên thị trường cũng đều có tình hình chung về giảm sút doanh thu cho hoạt động Môi giới.

Về cơ cấu chi phí: chi phí thực hiện năm 2014 giảm mạnh so với kế hoạch, mức giảm là -50.2%, so với thực hiện năm 2013 thì chi phí năm 2014 cũng đã giảm với mức là -48.61% phần lớn đến từ việc Công ty được hoàn dự phòng khoản đầu tư vào cổ phiếu SMC.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành:

- Bà Phí Thị Bích An: Tổng Giám Đốc

Sinh năm 1974

Tốt nghiệp Học viện Tài chính

Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2007

Được bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Công ty từ 25/01/2011.

- Ông Ng. Weng Seng: Giám đốc điều hành

Sinh năm 1957

Tốt nghiệp Đại học Tunku Abudul Rahman, Malaysia

Quá trình Công tác: công tác tại Công ty từ năm 2008

Được bổ nhiệm Giám đốc điều hành của Công ty từ năm 2010

➤ Ông Lê Bá Hoàng Quang: Phó Giám đốc điều hành

Sinh năm 1977

Tốt nghiệp Đại học Kinh tế quốc dân

Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2013

Được bổ nhiệm Phó Giám đốc điều hành của Công ty từ 25/10/2013

➤ Bà Bùi Thị Quý: Kế toán trưởng

Sinh năm 1984

Tốt nghiệp Đại học Phương Đông.

Quá trình công tác: công tác tại Công ty từ năm 2011

Được bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty từ 01/04/2014.

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành trong năm:

Ngày 01/04/2014: - Miễn nhiệm bà Đỗ Thị Phương Lan, Kế toán trưởng

- Bổ nhiệm bà Bùi Thị Quý làm Kế toán trưởng.

2.3. Số lượng cán bộ nhân viên:

Tính tới thời điểm 31/12/2014 tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 28 người.

➤ **Chính sách tuyển dụng:**

Công ty luôn chú trọng tới công tác tuyển dụng nhân sự theo phương châm công khai và minh bạch.

Hàng năm Công ty đều thành lập Hội đồng tuyển dụng để tìm kiếm những ứng cử viên tiềm năng, nhiều kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên năng động và luôn đáp ứng được yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ cũng được Ban Lãnh đạo khuyến khích và ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển.

Mọi ứng viên dự tuyển được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

➤ **Chính sách đào tạo:**

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Công ty luôn được coi là mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu.

Công ty luôn cố gắng tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp đồng thời chú trọng việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, tác phong chuyên nghiệp phục vụ khách hàng một cách nhanh chóng nhất.

Hàng năm, Công ty tạo điều kiện và hỗ trợ kinh phí để cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ nâng cao và cập nhật các quy định mới của pháp luật như : các khóa đào tạo về nghiệp vụ của Ủy ban và hai Sở, các lớp học về thuế, tiền lương ...

Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện để cán bộ có điều kiện tham gia học tập tại nước ngoài , cụ thể như cử cán bộ đi đào tạo nghiệp vụ tại Ngân hàng RHB tại Malaysia về các kỹ năng phân tích, quản lý rủi ro..

➤ **Chính sách tiền lương, thưởng đối với người lao động:**

Công ty gắn liền chế độ khen thưởng cán bộ nhân viên với kết quả hoạt động kinh doanh, mục tiêu công việc đạt được và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện cho khách hàng.

Về quy định chung, Công ty có các chế độ cơ bản như sau:
Một năm, nhân viên được hưởng thu nhập tương đương 13 tháng lương.
Vào các dịp lễ tết của quốc gia, mọi cán bộ nhân viên đều được nhận thưởng.

Chế độ nâng lương cấp bậc được thực hiện định kỳ hàng năm đối với cán bộ nhân viên đạt kết quả và thành tích cao trong công việc.

Hàng quý, căn cứ vào kết quả làm việc của từng cá nhân mà Ban lãnh đạo xem xét bổ sung thêm phụ cấp khó khăn (20% lương) cho các cán bộ nhân viên đạt kết quả làm việc tốt.

Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các trợ cấp xã hội theo các quy định của Bộ Luật Lao động.

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại, tổ chức liên hoan, hoạt động vui chơi cho toàn thể cán bộ nhân viên nhằm tạo sự đoàn kết, gắn bó giữa người lao động với Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn: Không

3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	163,623,043,778	169,517,896,780	3.60%
2	Doanh thu	15,908,677,090	14,512,427,898	-8.78%
3	Thuế và các khoản phải nộp	1,825,830,852	1,328,313,622	-27.25%
4	Lợi nhuận trước thuế	7,681,121,169	6,324,451,593	-17.66%
5	Lợi nhuận sau thuế	5,855,290,318	4,996,137,971	-14.67%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2013	2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	18445.23%	9431.23%	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
TSLĐ - Hàng tồn kho	18445.23%	9431.23%	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.56%	1.08%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.57%	1.09%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán			
Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	12.81%	12.94%	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số NST/Doanh thu thuần	27.58%	52.06%	

+	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	3.55%	6.81%	
+	Hệ số LNST/Tổng tài sản	3.53%	6.74%	
+	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	11.86%	16.17%	
5. Quy mô vốn				
-	Vốn điều lệ	135,000,000,000	135,000,000,000	
-	Tổng tài sản có	163,623,043,778	169,517,896,780	
-	Tỷ lệ an toàn vốn	412.00%	415.92%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2013	
	SL cổ phiếu	VND	SL cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13,500,000	135,000,000,000	13,500,000	135,000,000,000

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	%
Trong nước			
Tổ chức	1	405,000	3.0%
Cá nhân	2	6,480,000	48.0%
Nước ngoài			
Tổ chức	1	6,615,000	49.0%

Danh sách cổ đông:

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2014		Tại 31/12/2013	
	SL cổ phiếu	%	SL cổ phiếu	%
<i>RHB Investment Bank Berhad</i>	6,615,000	49.0%	6,615,000	49.0%
<i>Bà Chu Thị Phương Dung</i>	5,791,500	42.9%	5,791,500	42.9%
<i>Bà Trương Lan Anh</i>	688,500	5.1%	688,500	5.1%
<i>Công ty môi giới bảo hiểm Việt Quốc</i>	405,000	3.0%	405,000	3.0%

- 5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không*
- 5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không*
- 5.5. *Các chứng khoán khác: Không.*

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

1.1. *Những kết quả đạt được:*

- **Kết quả hoạt động kinh doanh:** năm 2014 Công ty đã có lãi và đã hoàn thành được 90.1% lợi nhuận kế hoạch năm do Hội đồng quản trị phê duyệt, đó là một nỗ lực của Ban Giám đốc trong bối cảnh thị trường chứng khoán nói chung và các công ty chứng khoán cùng ngành nói riêng gặp nhiều khó khăn, nhiều công ty phải tái cơ cấu, cắt giảm quy mô hoạt động và lỗ kéo dài.
- **Hoạt động đầu tư:** Công ty vẫn tiếp tục không tham gia vào mảng đầu tư chứng khoán tự doanh do hoạt động này mang tính chất rủi ro cao. Đó cũng là một phần thành công của Ban Giám đốc trong việc điều hành Công ty đạt được kết quả hoạt động có lãi trong năm 2014.
- **Quản trị điều hành:** Ban Giám đốc đã định hướng và thực hiện các chỉ tiêu theo đúng các kế hoạch năm đã đề ra. Công ty chú trọng công tác quản trị chi phí do vậy năm 2014 chi phí giảm tới 50.2% so với kế hoạch. Còn các chỉ tiêu khác đã được phân công tới từng phòng liên quan.

Các quy trình và thủ tục của Công ty đã được xây dựng và triển khai kết hợp giữa thông lệ của thị trường trong nước cũng như áp dụng các điểm mới từ phía đối tác chiến lược, RHBIB, là một trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu ở Malaysia.

1.2. Những kết quả chưa đạt được:

- Việc khai thác lợi thế của các ngân hàng đối tác trong nước để phát triển các cơ hội kinh doanh chưa thực sự phát huy hiệu quả.
- Chưa tuyển dụng được các vị trí chủ chốt tại các bộ phận kinh doanh trong Công ty, do vậy nhiều cơ hội mở rộng kinh doanh trên thị trường chứng khoán đã bị bỏ qua.
- Đội ngũ nhân sự đang tiếp tục phải đào tạo, cơ cấu cho phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh nên năng lực cạnh tranh còn hạn chế.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Chi tiêu	2013	2014	
Tổng tài sản	163,623,043,778	169,517,896,780	3.60%

Năm 2014 với tình hình nền kinh tế có nhiều bất ổn, Công ty vẫn không ngừng nỗ lực để bảo toàn vốn và phấn đấu đạt lợi nhuận kế hoạch đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị đề ra.

- Về cơ cấu tài sản: tổng tài sản năm 2014 đã tăng 3.60% so với năm 2013
- Trong năm 2014, do quản trị và tuân thủ các chính sách tài chính của Công ty nên Công ty đã không phải chịu bất kỳ khoản nợ phải thu xấu, tài sản xấu.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	2013	2014	
Nợ phải trả	923,968,137	1,822,683,168	97.27%

Cũng giống như các khoản mục tài chính, Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chệnh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2014.

- Xây dựng và mở rộng hợp tác với các ngân hàng nơi mà Công ty đang gửi tiền gửi có kỳ hạn để gia tăng sản phẩm dịch vụ tài chính phục vụ khách hàng.
- Tập trung vào các khách hàng nước ngoài tiềm năng từ phía đối tác liên doanh RHB để khách hàng giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua Công ty là nhà môi giới.
- Cải thiện thị phần về môi giới bằng cách dự kiến đưa sản phẩm Margin vào phục vụ khách hàng
- Phát huy tiềm năng sẵn có về tài chính, các hoạt động nòng cốt để sẵn sàng đón đầu khi thị trường phục hồi.
- Thực hiện quản lý chặt chẽ về chi phí quản lý và chi phí nhân viên thông qua việc nâng cao chất lượng trong công việc.
- Cử một số nhân viên cốt lõi sang đào tạo tại ngân hàng đầu tư liên doanh RHB, Malaysia.
- Về hợp đồng tư vấn tài chính, dự kiến các hợp đồng mua bán sáp nhập sẽ tăng do ngày càng nhiều các công ty Việt Nam muốn tìm đối tác chiến lược nước ngoài không chỉ với mục đích tài trợ vốn mà còn về vấn đề chuyển giao công nghệ.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trước áp lực cạnh tranh khốc liệt của thị trường chứng khoán Việt Nam, nhiều công ty chứng khoán trong năm 2014 đã lâm vào tình trạng khó khăn về tài chính, mất khả năng thanh toán. Theo thống kê kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán tại Việt Nam cho thấy, trên nửa số công ty chứng khoán bị lỗ trong năm 2014 và 2/3 số công ty chứng khoán bị lỗ lũy kế. Tình hình bất ổn của thị trường đã dẫn đến 11 công

ty chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt trong đó có 4 công ty bị đình chỉ hoạt động, một số khác đã rút bớt nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán. Trong thời gian tới dự báo những con số này vẫn còn tăng thêm do tình hình kinh tế vĩ mô tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Công ty vẫn giữ được ổn định và tăng trưởng. Đây thực sự là điểm đáng khuyến khích.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã ban hành những Nghị quyết và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

- Giám sát thông qua các báo cáo kết quả (chi tiết tới từng nghiệp vụ như hoạt động môi giới, hoạt động tư vấn tài chính, hoạt động đầu tư) của Ban Giám Đốc được tổ chức định kỳ.
- Giám sát thông qua các ý kiến đánh giá, kết luận của nhóm kiểm soát nội bộ tập đoàn ngân hàng RHBIB.
- Giám sát thông qua việc thực hiện các ý kiến đánh giá, kết luận của đơn vị kiểm toán KPMG.

Qua việc giám sát cho thấy, Ban Giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng các chủ trương mà kế hoạch đã được duyệt. Các Nghị quyết ban hành trong năm 2014 cũng theo đó được thực hiện nghiêm túc. Mọi hoạt động kinh doanh tại Công ty tuân thủ đúng pháp luật và quy định về kinh doanh chứng khoán.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty sẽ tập trung vào các hướng hoạt động như sau:

- Khai thác triệt để lợi thế từ ngân hàng RHBIB trong việc mở rộng và phát triển khách hàng. Đây là nguồn khách tiềm năng có thể sẽ thông qua Công ty để giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

- Cải tiến hệ thống công nghệ thông tin nhằm quản lý và phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển nhanh của thị trường chứng khoán.
- Tăng cường kiểm soát tài chính: các nguồn tiền hàng tháng dư thừa phải được gửi tại các ngân hàng có uy tín đã được phê duyệt từ Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị và kiểm soát rủi ro. Căn cứ vào báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính hàng tháng được Công ty lập cũng như báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên, năm được kiểm toán từ đơn vị kiểm toán KPMG. Hội đồng quản trị có thể kịp thời quản trị tốt hơn, đảm bảo không bị gặp rủi ro có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm các thành viên:

1. Ông Chan Cheong Yuen, Chủ tịch HĐQT (từ ngày 06/12/2013)
2. Bà Chu Thị Phương Dung, Phó Chủ tịch HĐQT
3. Bà Trần Thị Hải Yến, Ủy viên
4. Ông Ng Weng Seng, Ủy viên
5. Ông Jaimie Sia Keng, Ủy viên

Trong số năm (05) thành viên HĐQT, chỉ có Bà Chu Thị Phương Dung - Phó chủ tịch HĐQT và Ông Ng Weng Seng - Giám đốc điều hành, thực hiện chức năng điều hành Công ty.

Chủ tịch HĐQT là Ông Chan Cheong Yuen, Bà Trần Thị Hải Yến (Thành viên HĐQT) và Ông Jaimia Sia Keng (Thành viên HĐQT) không thực hiện chức năng điều hành ngoại trừ là thành viên trong nhóm chữ ký tài khoản công ty mở tại các ngân hàng tại Việt Nam.

Như đã đề cập ở trên, Các hoạt động của Công ty được điều hành và quản lý bởi Bà Chu Thị Phương Dung và Ông Ng Weng Seng, với sự hỗ trợ của các trưởng phòng ban tương ứng.

1.2. *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* Công ty có quy mô nhỏ; do đó không cần các tiểu ban dưới HĐQT

1.3. *Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị tổ chức bốn (4) cuộc họp trong năm 2014 và các Nghị quyết HĐQT khác cũng được thông qua bằng văn bản.

Dưới đây là danh sách đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014:

Họp Hội đồng quản trị	Ngày tháng
Số.4/2013	27 tháng 03 năm 2014
Số.1/2014	31 tháng 07 năm 2014
Số.2/2014	04 tháng 11 năm 2014
Số.3/2014	02 tháng 12 năm 2014

Dưới đây là danh sách các nghị quyết được thông qua bằng văn bản của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2014:

Nghị quyết số 1/2014/NQHDQT/VSEC ngày 20 tháng 1 năm 2014

Nghị quyết số 2/2014/NQHDQT/VSEC ngày 19 tháng 3 năm 2014

Nghị quyết số 3/2014/NQHDQT/VSEC ngày 1 tháng 4 năm 2014

Nghị quyết số 4/2014/NQHDQT/VSEC ngày 2 tháng 4 năm 2014

Nghị quyết số 5/2014/NQHDQT/VSEC ngày 2 tháng 4 năm 2014

Nghị quyết số 6/2014/NQHDQT/VSEC ngày 8 tháng 9 năm 2014

2. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát và hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần biểu quyết	Các chứng khoán khác do cty phát hành
1	Nguyễn Hải Dương	0	0

Công ty không có Ban kiểm soát, thay vào đó các chức năng kiểm tra/kiểm soát nội bộ được thực hiện bởi Kiểm soát nội bộ, dưới sự quản lý của HĐQT.

Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận việc chưa thành lập Ban kiểm soát trong cuộc họp thường niên ngày 26/04/2010.

Không như hầu hết các công ty chứng khoán khác, Công ty cũng được kiểm toán bởi Kiểm toán nội bộ tập đoàn của RHBIB và điều này nâng cao mức độ kiểm soát nội bộ của Công ty.

Năm 2014, nhóm kiểm toán nội bộ của RHBIB đã thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty, kết quả kiểm toán xếp loại “Rất tốt”

Trong năm tài chính, Công ty không mắc bất cứ một gian lận hoặc tranh chấp nào. Có một lỗi giao dịch nhỏ phát sinh do lỗi hệ thống. Tuy nhiên, Công ty không bị phát sinh lỗ do lỗi giao dịch này.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã thể hiện quyết tâm để đảm bảo việc kiểm soát nội bộ được thực hiện tốt nhằm quản lý các rủi ro mà Công ty phải đối mặt.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo nhân viên để đảm bảo việc nắm vững các quy trình và chính sách, cũng như xây dựng văn hóa và thói quen nhất quán trong việc kiểm soát rủi ro.

Như đã đề cập ở trên, Ông Ng Weng Seng, là thành viên HĐQT cùng với Phó chủ tịch HĐQT quản lý, kiểm soát các hoạt động của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Tên thành viên	Lương, thưởng	CF tiếp khách	Công tác	Khác
Hội đồng quản trị				
Chu Thị Phương Dung	429,027,888	194,439,132	203,605,935	
Trần Thị Hải Yến	450,724,800			
Ban Giám Đốc				
Phí Thị Bích An	110,233,727			
Ban kiểm soát				
Nguyễn Hải Dương (làm việc từ 01/10/2014)	87,341,000			
Tổng	1,077,327,415	194,439,132	203,605,935	

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*: không

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*: Không

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty* :

Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về quản trị Công ty do vậy không có nội dung nào bị vi phạm hoạt động quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Bản sao Báo cáo tài chính kiểm toán bởi KPMG cho năm tài chính 31/12/2014 được đính kèm cùng báo cáo này.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phí Thị Bích An



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số 0103014784

Ngày 27 tháng 11 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Giấy phép Hoạt động

21/UBCK-GPHDKD

Ngày 8 tháng 12 năm 2006

Kinh doanh

184/UBCK-GP

Ngày 20 tháng 1 năm 2009

Chứng khoán số

356/UBCK-GP

Ngày 14 tháng 10 năm 2010

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Chan Cheong Yuen
Bà Chu Thị Phương Dung
Ông Ng Weng Seng
Bà Trần Thị Hải Yến
Ông Jaimie Sia Zui Keng

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Phí Thị Bích An

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 12B, 29 Nguyễn Đình Chiểu
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

Hà Nội,

06-03-2015



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72-Storey Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang trang 5 đến 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-116/3



Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tâm Anh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, **06-03-2015**

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (phân loại lại)
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		49.762.334.403	69.620.433.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.496.125.197	2.068.435.391
Tiền	111		2.496.125.197	2.068.435.391
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	45.684.113.880	65.863.105.000
Đầu tư ngắn hạn	121		48.717.961.000	68.251.961.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.033.847.120)	(2.388.856.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	431.501.531	1.018.368.913
Trả trước cho người bán	132		278.294.250	134.983.760
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		363.039	660.049.815
Các khoản phải thu khác	138		152.844.242	223.335.338
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.150.593.795	670.524.304
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.063.709.162	497.807.457
Tài sản ngắn hạn khác	158		86.884.633	172.716.847
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		119.755.562.377	94.002.610.170
II. Tài sản cố định	220		1.479.535.578	2.251.596.980
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.211.233.812	1.677.895.712
<i>Nguyên giá</i>	222		5.912.158.826	5.769.488.826
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.700.925.014)	(4.091.593.114)
Tài sản cố định vô hình	227	9	268.301.766	573.701.268
<i>Nguyên giá</i>	228		1.391.619.550	1.391.619.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.123.317.784)	(817.918.282)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		117.688.000.000	91.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	6	117.688.000.000	91.180.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		588.026.799	571.013.190
Chi phí trả trước dài hạn	261		14.130.590	27.135.662
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	299.021.209	269.002.528
Tài sản dài hạn khác	268	11	274.875.000	274.875.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		169.517.896.780	163.623.043.778

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.822.683.168	923.968.137
I. Nợ ngắn hạn	310		1.775.487.334	871.772.303
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	600.330.532	40.489.735
Phải trả người lao động	315		-	203.755.000
Chi phí phải trả	316		8.692.200	15.246.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	13	1.143.205.466	591.145.822
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		19.875	-19.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		23.239.261	21.115.871
II. Nợ dài hạn	330		47.195.834	52.195.834
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		47.195.834	52.195.834
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		167.695.213.612	162.699.075.641
I. Vốn chủ sở hữu	410		167.695.213.612	162.699.075.641
Vốn cổ phần	411	14	135.000.000.000	135.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.634.760.681	1.384.953.782
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	419		1.634.760.681	1.384.953.782
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.425.692.250	24.929.168.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		169.517.896.780	163.623.043.778

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
6. Chứng khoán lưu ký	006	25.012.940.000	22.235.720.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	24.873.690.000	22.218.170.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	3.583.280.000	3.583.280.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	21.290.410.000	18.634.890.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	131.050.000	16.200.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	131.050.000	16.200.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	8.200.000	1.350.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	8.200.000	1.350.000
7. Chứng khoán lưu ký của công ty đại chúng chưa niêm yết	050	4.522.350.000	4.307.650.000
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	4.522.350.000	4.307.650.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	4.522.350.000	4.307.650.000
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	300.000.000	300.000.000

Người lập:


Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:

Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

06 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu	01		14.512.427.898	15.916.858.166
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		45.551.483	25.296.415
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2		286.662.400	429.993.600
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	01.5		816.735.909	1.200.000.000
Doanh thu khác	01.9	15	13.363.478.106	14.261.568.151
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh (10=01)	10		14.512.427.898	15.916.858.166
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	2.663.833.195	1.924.175.112
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		11.848.594.703	13.992.683.054
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	5.524.143.110	6.107.667.159
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		6.324.451.593	7.885.015.895
Thu nhập khác	31		-	4.727.273
Chi phí khác	32		-	208.621.998
(Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(203.894.725)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=40+30)	50		6.324.451.593	7.681.121.170
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	1.328.313.622	1.825.830.852
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.996.137.971	5.855.290.318
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	370	434

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

06 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.324.451.593	7.681.121.170
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	914.731.402	1.047.771.250
Các khoản dự phòng	03	644.991.120	-
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	05	(13.313.373.916)	(14.261.568.151)
Lãi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(286.662.400)	(429.993.600)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	06	-	51.559.144
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(5.715.862.201)	(5.911.110.187)
Giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	49.311.867	2.382.369.829
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	347.109.017	(532.474.572)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(776.707.608)	(3.184.610.857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(6.096.148.925)	(7.245.825.787)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(142.670.000)	(493.233.050)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(6.974.000.000)	(9.223.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.353.846.331	14.297.248.758
Cổ tức nhận được	27	286.662.400	429.993.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.523.838.731	5.011.009.308
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30)	50	427.689.806	(2.234.816.479)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.068.435.391	4.303.251.870
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60) (Thuyết minh 5)	70	2.496.125.197	2.068.435.391

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

06 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	135.000.000.000	1.384.953.782	1.384.953.782	24.929.168.077	162.699.075.641
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.996.137.971	4.996.137.971
Trích lập các quỹ	-	249.806.899	249.806.899	(499.613.798)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	135.000.000.000	1.634.760.681	1.634.760.681	29.425.692.250	167.695.213.612
	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	135.000.000.000	1.092.189.266	1.092.189.266	19.659.406.791	156.843.785.323
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	5.855.290.318	5.855.290.318
Trích lập các quỹ	-	292.764.516	292.764.516	(585.529.032)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	135.000.000.000	1.384.953.782	1.384.953.782	24.929.168.077	162.699.075.641

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

06 -03- 2015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với các hoạt động chính là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và hoạt động tự doanh chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 28 nhân viên (31/12/2013: 25 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (bao gồm tiền gửi của Công ty và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.

(i) Đầu tư chứng khoán***Phân loại***

Công ty phân loại chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán trên cơ sở tham khảo giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như đề cập trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dừng ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

(ii) Đầu tư khác

Đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các tổ chức tài chính.



Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu từ giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”).

Theo Thông tư 228, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(e) Tài sản cố định hữu hình**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Vật kiến trúc	3 – 5 năm
• Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
• Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****(g) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(h) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)***Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(k) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(m) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

Thuyết minh báo cáo tài chính**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(iv) Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm thu nhập tiền lãi từ các tài khoản tiền gửi ngân hàng. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các công ty liên quan

Các bên liên quan bao gồm các nhà đầu tư và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này. Các bên liên quan cũng bao gồm các thành viên trong Ban Giám đốc của Công ty.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Thuyết minh báo cáo tài chính

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2014		Năm 2013	
	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND	Khối lượng giao dịch Cổ phiếu	Giá trị giao dịch VND
Của nhà đầu tư/khách hàng Cổ phiếu	1.815.869	25.991.192.200	1.267.635	14.276.229.700

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	47.985.121	230.126.821
Tiền gửi ngân hàng	2.448.140.076	1.838.308.570
▪ <i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>1.299.978.058</i>	<i>1.425.809.473</i>
▪ <i>Giữ hộ nhà đầu tư</i>	<i>1.148.162.018</i>	<i>412.499.097</i>
	2.496.125.197	2.068.435.391

6. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (phân loại lại)
Chứng khoán kinh doanh (i)	6.867.961.000	6.867.961.000
Đầu tư ngắn hạn khác (ii)	41.850.000.000	61.384.000.000
	48.717.961.000	68.251.961.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iii)	(3.033.847.120)	(2.388.856.000)
	45.684.113.880	65.863.105.000

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (phân loại lại)
Đầu tư dài hạn khác (iv)	117.688.000.000	91.180.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản đầu tư được nắm giữ bởi Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Số dư cuối năm) và ngày 1 tháng 1 năm 2014 (Số dư đầu năm) như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Tăng	(Giảm)			Cuối năm	Đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	VND	VND	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	VND	VND
Chứng khoán kinh doanh	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(3.033.847.120)	(2.388.856.000)	3.834.113.880	4.479.105.000
Cổ phiếu niêm yết	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(3.033.847.120)	(2.388.856.000)	3.834.113.880	4.479.105.000
▪ SMC	358.328	358.328	6.867.961.000	6.867.961.000	-	-	(3.033.847.120)	(2.388.856.000)	3.834.113.880	4.479.105.000

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

- (ii) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 6,97% đến 7,5%/năm (31/12/2013: từ 7,25% đến 9,75%/năm).
- (iii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.388.856.000	2.388.856.000
Dự phòng trích lập trong năm (<i>Thuyết minh 16</i>)	644.991.120	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12	3.033.847.120	2.388.856.000

- (iv) Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn từ 13 tháng đến 35 tháng và hưởng lãi suất từ 6,3%/năm đến 9,19%/năm (31/12/2013: từ 7,72%/năm đến 9,19%/năm).

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số dư đầu năm VND	Biến động		Số dư cuối năm VND
		Tăng VND	(Giảm) VND	
Trả trước cho người bán	134.983.760	143.335.500	(25.010)	278.294.250
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	660.049.815	96.398.762	(756.085.538)	363.039
Các khoản phải thu khác	223.335.338	2.176.174.976	(2.246.666.072)	152.844.242
	1.018.368.913	2.415.909.238	(3.002.776.620)	431.501.531

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Năm 2014	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VDN	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.125.419.059	3.056.581.911	1.104.389.000	483.098.856	5.769.488.826
Tăng trong năm		142.670.000			142.670.000
Số dư cuối năm	1.125.419.059	3.199.251.911	1.104.389.000	483.098.856	5.912.158.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	523.989.649	2.791.841.370	292.663.239	483.098.856	4.091.593.114
Khấu hao trong năm	188.315.400	200.138.584	220.877.916	-	609.331.900
Số dư cuối năm	712.305.049	2.991.979.954	513.541.155	483.098.856	4.700.925.014
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	601.429.410	264.740.541	811.725.761	-	1.677.895.712
Số dư cuối năm	413.114.010	207.271.957	590.847.845	-	1.211.233.812

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản với nguyên giá 3.841.190.401 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 3.007.348.901 VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Năm 2013	Vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VDN	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.197.701.984	3.523.133.359	1.104.389.000	553.456.104	6.378.680.447
Tăng trong năm	30.000.000	-	-	-	30.000.000
Phân loại lại	(55.862.925)	(106.562.936)	-	-	(162.425.861)
Xóa sổ	(46.420.000)	(359.988.512)	-	(70.357.248)	(476.765.760)
Số dư cuối năm	1.125.419.059	3.056.581.911	1.104.389.000	483.098.856	5.769.488.826
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	309.533.727	3.013.109.454	71.785.323	552.589.542	3.947.018.046
Khấu hao trong năm	280.573.898	198.971.469	220.877.916	866.562	701.289.845
Phân loại lại	(19.697.976)	(60.251.041)	-	-	(79.949.017)
Xóa sổ	(46.420.000)	(359.988.512)	-	(70.357.248)	(476.765.760)
Số dư cuối năm	523.989.649	2.791.841.370	292.663.239	483.098.856	4.091.593.114
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	888.168.257	510.023.905	1.032.603.677	866.562	2.431.662.401
Số dư cuối năm	601.429.410	264.740.541	811.725.761	-	1.677.895.712

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2014 VND	2013 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.391.619.550	1.081.565.880
Tăng trong năm	-	463.233.050
Thanh lý	-	(105.000.000)
Xóa sổ	-	(48.179.380)
Số dư cuối năm	1.391.619.550	1.391.619.550
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	817.918.282	573.057.113
Khấu hao trong năm	305.399.502	340.648.071
Thanh lý	-	(47.607.522)
Xóa sổ	-	(48.179.380)
Số dư cuối năm	1.123.317.784	817.918.282
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	573.701.268	508.508.767
Số dư cuối năm	268.301.766	573.701.268

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung Tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo các Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1	269.002.528	242.695.860
Thu nhập lãi trong năm (<i>Thuyết minh 15</i>)	30.018.681	26.306.668
Số dư tại ngày 31 tháng 12	299.021.209	269.002.528

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

11. Tài sản dài hạn khác

Các tài sản dài hạn khác phản ánh tiền đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	564.082.756	12.476.742
Thuế thu nhập cá nhân	36.247.776	28.012.993
	600.330.532	40.489.735

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.141.249.966	589.839.244
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	1.220.188	1.183.552
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	735.312	123.026
	1.143.205.466	591.145.822

14. Vốn góp cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	135.000.000.000	13.500.000	135.000.000.000

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

Tại ngày báo cáo, tình hình các cổ đông và tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu trong Công ty như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
RHB Investment Bank Berhad	66.150.000	49,0	66.150.000	49,0
Bà Chu Thị Phương Dung	57.915.000	42,9	57.915.000	42,9
Bà Trương Lan Anh	6.885.000	5,1	6.885.000	5,1
Công ty Môi giới Bảo hiểm Việt Quốc	4.050.000	3,0	4.050.000	3,0
	135.000.000	100,0	135.000.000	100,0

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có quyền như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

15. Doanh thu khác

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập lãi từ		
▪ Tiền gửi ngân hàng	13.333.459.425	14.235.261.483
▪ Tiền gửi tại Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (<i>Thuyết minh 10</i>)	30.018.681	26.306.668
	13.363.478.106	14.261.568.151

16. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	7.770.718	4.285.546
Chi phí lưu ký chứng khoán	13.896.607	14.276.352
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh (<i>Thuyết minh 6</i>)	644.991.120	-
Chi phí thuê sử dụng tài sản	800.634.479	712.547.143
Chi phí nhân viên	654.761.177	719.056.757
Công cụ và dụng cụ	112.252.482	86.132.377
Chi phí khấu hao và phân bổ	323.087.068	270.420.856
Chi phí khác	106.439.544	117.456.081
	2.663.833.195	1.924.175.112

Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2014 VND	2013 VND
Lương và các chi phí liên quan	2.571.043.544	2.910.594.120
Chi phí khấu hao và phân bổ	591.644.334	771.517.060
Chi phí dịch vụ ngoài	1.468.795.433	1.448.747.409
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	179.227.130	217.861.187
Công cụ và dụng cụ	66.291.729	46.146.739
Thuế và lệ phí	15.408.656	13.102.906
Chi phí khác	631.732.284	699.697.738
	5.524.143.110	6.107.667.159

18. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.328.313.622	1.825.830.852

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	6.324.451.593	7.681.121.170
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.391.379.350	1.920.280.293
Chi phí không được khấu trừ	-	13.048.959
Thu nhập không chịu thuế (*)	(63.065.728)	(107.498.400)
	1.328.313.622	1.825.830.852

(*) Đây là khoản thuế thu nhập từ cổ tức nhận được do góp vốn đầu tư tại các đơn vị khác với tổng giá trị 286.662.400 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2013: 429.993.600 VND).

(c) Thuế suất áp dụng

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã phê duyệt Luật Sửa đổi Bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

19. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông là 4.996.137.971 VND (2013: 5.855.290.318 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.500.000 cổ phiếu (2013: 13.500.000 cổ phiếu).

20. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và đầu tư chứng khoán của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	2.448.140.076	1.838.308.570
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	(ii)	159.538.000.000	152.564.000.000
		161.986.140.076	154.402.308.570

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm các khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND
31/12/2014				
Chi phí phải trả	8.692.200	8.692.200	8.692.200	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.143.205.466	1.143.205.466	1.143.205.466	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19.875	19.875	-	19.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.239.261	23.239.261	23.239.261	-
	1.175.156.802	1.175.156.802	1.175.136.927	19.875
31/12/2013				
Chi phí phải trả	15.246.000	15.246.000	15.246.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	591.145.822	591.145.822	591.145.822	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	19.875	19.875	-	19.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.115.871	21.115.871	21.115.871	-
	627.527.568	627.527.568	627.507.693	19.875

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty đều có lãi suất cố định với chi tiết như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản tài chính – lãi suất cố định:		
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.448.140.076	1.838.308.570
Đầu tư ngắn hạn		
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	41.850.000.000	61.384.000.000
Đầu tư dài hạn		
Tiền gửi dài hạn tại ngân hàng	117.688.000.000	91.180.000.000
Tài sản dài hạn khác		
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	299.021.209	269.002.528
Phải trả tài chính – lãi suất cố định:		
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	(1.141.249.966)	(589.839.244)
	161.143.911.319	154.081.471.854

(ii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 3.834.113.880 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 17% tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng 508.403.500 VND.

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

(e) **Giá trị hợp lý**(i) **So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	3.834.113.880	3.834.113.880	4.479.105.000	4.479.105.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.496.125.197	2.496.125.197	2.068.435.391	2.068.435.391
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn	431.501.531	431.501.531	1.018.368.913	1.018.368.913
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ :</i>				
▪ Chi phí phải trả	(8.692.200)	(8.692.200)	(15.246.000)	(15.246.000)
▪ Phải trả cho hoạt động giao dịch chứng khoán	(1.143.205.466)	(1.143.205.466)	(591.145.822)	(591.145.822)
	5.609.842.942	5.609.842.942	6.959.517.482	6.959.517.482

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- *Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ*

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- *Đối với các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác*

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
RHM Investment Bank Berhad – công ty mẹ		
Phí tư vấn	58.284.500	-
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc		
Thù lao	-	-

22. Cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đã phê duyệt và đã được ký kết hợp đồng	384.658.830	527.238.850

**Thuyết minh báo cáo tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)**

23. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của năm hiện tại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán</i>	31/12/2013 VND (phân loại lại)	31/12/2013 VND (theo báo cáo trước đây)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư ngắn hạn	68.251.961.000	159.431.961.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư dài hạn khác	91.180.000.000	-

Người lập:



Bà Bùi Thị Quý
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt:



Bà Phí Thị Bích An
Tổng Giám đốc

06 -03- 2015